

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN KH&CN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP
THỐNG KÊ NGÀNH
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HẢI PHÒNG NĂM 2022**

I. THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ VAI TRÒ CỦA THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thống kê KH&CN là một lĩnh vực của thống kê học, nghiên cứu hệ thống các khái niệm, phương pháp luận cơ bản để thu thập, xử lý, phân tích những dữ liệu về các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn lực tài chính, nguồn lực thông tin, cơ cấu hệ thống tổ chức KH&CN, nội dung, cơ cấu các hoạt động KH&CN của quốc gia.

Hoạt động KH&CN là một loại hình hoạt động phức tạp, đa ngành, đa lĩnh vực. Để đánh giá hoạt động này, thống kê KH&CN được sử dụng như là một công cụ quan trọng. Hoạt động thống kê KH&CN là hoạt động không thể thiếu được trong công tác phát triển KH&CN. Vì vậy, ngày 29/3/2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 30/2006/NĐ-CP về thống kê KH&CN quy định việc cung cấp, thu thập, xử lý, công bố và sử dụng thông tin thống kê KH&CN, phát triển công tác thống kê KH&CN trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về KH&CN, thống kê có mặt trong tất cả các công đoạn. Số liệu thống kê KH&CN góp phần nâng cao nhận thức về KH&CN, nhìn nhận một cách khách quan, khoa học và hiệu quả về vai trò của KH&CN đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Số liệu thống kê phục vụ công tác hoạch định quy hoạch phát triển KH&CN; công tác xây dựng kế hoạch phát triển KH&CN; cũng như góp phần quan trọng trong việc điều chỉnh, bổ sung hay ban hành mới các cơ chế, chính sách nhằm phát triển KH&CN một cách hiệu quả, bền vững. Thống kê KH&CN giúp cho quá trình tổ chức, giám sát các hoạt động KH&CN một cách chính xác...

Ngoài phục vụ quản lý KH&CN, thống kê khoa học còn:

- Tăng cường sự gắn kết giữa KH&CN, GD&ĐT với sản xuất kinh doanh bằng việc xây dựng những cơ chế, công cụ và phân tích thông tin thu thập được, thống kê KH&CN đã giúp công tác quản lý nắm bắt, quan sát và đánh giá về mối liên kết này, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

- Góp phần thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước:

Các chỉ tiêu KH&CN quốc gia đã phản ánh được thực trạng năng lực công nghệ, năng lực đổi mới của nền kinh tế, năng lực và xu thế đang phát triển của các lĩnh vực KH&CN, góp phần đánh giá đúng về tình trạng, xu thế phát triển của nền kinh tế, để có những quyết sách phù hợp ở tầng vĩ mô hỗ trợ nền kinh tế phát triển mạnh mẽ và bền vững, góp phần thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước.

Với số liệu thống kê thu thập được, các nhà quản lý sẽ có những bức tranh về thực trạng hoạt động KH&CN cả nước về tổ chức, nhân lực, khả năng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật... Qua số liệu đó, so sánh giữa các vùng, các địa phương với nhau, để có thể xem xét thực trạng các khía cạnh yếu, mạnh, hợp lý hay bất hợp lý trong cơ cấu tổ chức, năng lực, chất lượng, hiệu quả của từng địa phương. Trên cơ sở đó góp phần dần dần điều chỉnh bằng chính sách, hoặc bằng các

quyết định về kế hoạch, quy hoạch, về chủ trương đầu tư để tạo sự phát triển một cách hiệu quả và bền vững.

Thống kê KH&CN là một công cụ quan trọng không thể thiếu được của hệ thống chính sách KH&CN quốc gia. Để khẳng định được vai trò này đòi hỏi công tác thống kê KH&CN phải được chính thức hóa và tổ chức một cách năng động, luôn có khả năng thiết lập những hệ thống tin đầy đủ, đủ tin cậy, kịp thời phục vụ nhu cầu của cộng đồng giới KH&CN, xã hội, các nhà lập chính sách,... Chính thức hóa ở đây được hiểu là chức năng thống kê KH&CN phải được thực hiện dưới dạng một tổ chức gắn liền với cơ quan ra quyết sách về KH&CN quốc gia nhằm thường xuyên đáp ứng, trước mắt, những nhu cầu cơ bản của cơ quan chính sách này, cũng như đáp ứng những nhu cầu về thông tin quản lý KH&CN của cộng đồng các nhà khoa học, các nhà quản lý và cả toàn xã hội

II. QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Cơ sở pháp lý hoạt động thống kê KH&CN

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thống kê KH&CN đã bước đầu được xây dựng và đang dần hoàn thiện. Hoạt động thống kê KH&CN đã được đề cập trong Luật KH&CN. Luật Thống kê được Quốc hội thông qua và Chủ tịch nước ký lệnh ban hành là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng cho lĩnh vực thống kê, trong đó có thống kê KH&CN. Hoạt động thống kê KH&CN cũng được đề cập đến trong một số luật chuyên ngành về KH&CN như Luật Chuyển giao Công nghệ (Điều 50. Thống kê chuyển giao công nghệ).

Đặc biệt, ngày 29/3/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định 30/2006/NĐ-CP về thống kê KH&CN quy định việc cung cấp, thu thập, xử lý, công bố và sử dụng thông tin thống kê KH&CN, phát triển công tác thống kê KH&CN trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam. Đây là Nghị định có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát triển công tác thống kê KH&CN, xác định cụ thể hơn vai trò và trách nhiệm của Bộ KH&CN trong lĩnh vực này.

Cơ sở pháp lý để triển khai công tác thống kê ngành KH&CN tại Việt Nam hiện nay gồm các văn bản sau:

- Luật khoa học và công nghệ năm 2013
- Luật thống kê năm 2015
- Nghị định 60/2018/NĐ-CP, ngày 20 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia
- Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê.
- Nghị định 95/2016/NĐ-CP, ngày 01 tháng 7 năm 2016, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê
- Nghị định 97/2016/NĐ-CP, ngày 01 tháng 7 năm 2016, quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

- Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 08 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Nghị định 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 07 năm 2017, quy định về cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ.

- Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030.

- Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Quyết định 54/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2016, Ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã.

- Thông tư số 03/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành KH&CN và phân công thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia khoa học và công nghệ

- Thông tư 04/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 quy định về các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

- Thông tư 15/2018/TT-BKHCN ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ.

- Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc ban hành các bảng phân loại thống kê KH&CN.

- Chỉ thị số 3595/CT-BKHCN ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về tăng cường công tác thống kê KH&CN.

- Các quy định về thống kê KH&CN được thể hiện trong hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam như sau:

2. Về phân loại thống kê KH&CN

2.1. Về phân loại thống kê khoa học và công nghệ:

Ngày 04/9/2008, Bộ trưởng Bộ KH&CN ra Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ban hành các bảng phân loại thống kê KH&CN bao gồm: Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ; Bảng phân loại mục tiêu kinh tế - xã hội của hoạt động khoa học và công nghệ và Bảng phân loại dạng hoạt động khoa học và công nghệ.

Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN có cấu trúc 3 lớp:

- Lớp 1: Lĩnh vực khoa học và công nghệ
- Lớp 2: Ngành khoa học và công nghệ
- Lớp 3: Chuyên ngành khoa học và công nghệ

2.2. Về chỉ tiêu thống kê KH&CN:

Ngày 15/5/2018, Bộ KH&CN ban hành Thông tư số 03/2018/TT-BKHCN (Thay thế Thông tư số 14/2015/TT-BKHCN) quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành KH&CN và phân công thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia khoa học và công nghệ

Theo Thông tư này, Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành KH&CN bao gồm 53 chỉ tiêu và được xếp vào 10 nhóm chỉ tiêu gồm:

01. CƠ SỞ HẠ TẦNG CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
02. NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
03. TÀI CHÍNH CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
04. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
05. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
06. ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ
07. SỞ HỮU TRÍ TUỆ
08. CÔNG BỐ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
09. TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG
10. NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

2.3. Về chế độ báo cáo thống kê (BCTK) ngành KH&CN:

Theo quy định của hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về thống kê KH&CN, chúng ta có:

- Chế độ BCTK ngành KH&CN (được ban hành theo thông tư 15/2018/TT-BKHCN ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo thống kê ngành KH&CN);

3. Các quy định về chế độ BCTK ngành KH&CN:

- Chế độ báo cáo thống kê ngành KH&CN bao gồm các quy định về: đối tượng áp dụng; phạm vi thống kê; nội dung và biểu mẫu báo cáo; kỳ báo cáo và thời hạn gửi báo cáo; trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo; phụ lục các biểu mẫu kèm theo hướng dẫn điều chỉnh báo cáo

- Báo cáo thống kê ngành KH&CN được tổng hợp từ hồ sơ hành chính theo hệ thống biểu mẫu thống nhất.

- Đối tượng thực hiện báo cáo thống kê tổng hợp về KH&CN là Sở Khoa học và Công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Nội dung báo cáo và biểu mẫu báo cáo bao gồm:

a) Số tổ chức khoa học và công nghệ (Biểu 01/KHCN-TC);

- b) Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ (Biểu 02/KHCN-NL);
- c) Chi cho khoa học và công nghệ (Biểu 03/KHCN-CP);
- d) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu 04/KHCN-NV);
- đ) Hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ (Biểu 05/KHCN-HTQT);
- e) Chuyển giao công nghệ (Biểu 06/KHCN-CG);
- f) Doanh nghiệp và thị trường khoa học và công nghệ (Biểu 07/KHCN-DN);
- g) Sở hữu trí tuệ (Biểu 08/KHCN-SHTT)
- h) Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Biểu 09/KHCN-TĐC)
- i) Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân (Biểu 10/KHCN-NLAT)

- Nội dung báo cáo phải được điền vào các biểu mẫu báo cáo theo hướng dẫn quy định tại Phụ lục của 15/2018/TT-BKHCN ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ áp dụng với sở KH&CN

- Kỳ hạn báo cáo là 01 năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

- Các Sở Khoa học và Công nghệ phải gửi báo cáo đến Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, chậm nhất là ngày 15 tháng 2 năm kế tiếp của năm báo cáo theo dấu bưu điện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH KH&CN NĂM 2022 TẠI HẢI PHÒNG

1. Phân công nhiệm vụ thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành KH&CN tại Sở KH&CN Hải Phòng:

Nhiệm vụ thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành KH&CN tại Sở KH&CN Hải Phòng được phân công như sau:

1.1. Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ:

- Hướng dẫn triển khai Chế độ báo cáo thống kê ngành KH&CN theo Thông tư 15/2018/TT-BKHCN cho các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Gửi và tập hợp toàn bộ các biểu mẫu báo cáo thống kê do các phòng, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện;
- Hiệu chỉnh, chuẩn dữ liệu, trình lãnh đạo Trung tâm ký;
- Nộp biểu mẫu về Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia theo quy định;
- Xây dựng báo cáo thống kê.

1.2. Các phòng, đơn vị khác:

- Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ: Thu thập thông tin, thực hiện điền mẫu báo cáo thống kê về: Số tổ chức khoa học và công nghệ (Biểu 01/KHCN-TC); Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ (Biểu 02/KHCN-NL); Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu 04/KHCN-NV) gửi về Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ để xử lý;

- Văn phòng Sở: Thu thập thông tin, thực hiện điền mẫu báo cáo thống kê về: Chi cho khoa học và công nghệ (Biểu 03/KHCN-CP); Hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ (Biểu 05/KHCN-HTQT) gửi về Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ để xử lý;

- Phòng Phát triển công nghệ và Đổi mới sáng tạo: Thu thập thông tin, thực hiện điền mẫu báo cáo thống kê về: Chuyên giao công nghệ (Biểu 06/KHCN-CG); Doanh nghiệp và thị trường khoa học và công nghệ (Biểu 07/KHCN-DN) gửi về Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ để xử lý;

- Phòng Sở hữu trí tuệ và An toàn bức xạ hạt nhân: Thu thập thông tin, thực hiện điền mẫu báo cáo thống kê về: Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân (Biểu 10/KHCN-NLAT); gửi về Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ để xử lý;

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Thu thập thông tin, thực hiện điền mẫu báo cáo thống kê về: Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Biểu 09/KHCN-TĐC); gửi về Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ để xử lý;

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hải Phòng đã giao cho Trung tâm Thông tin KH&CN thành phố Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ Thống kê KH&CN năm 2022 bao gồm:

- Thống kê ngành khoa học và công nghệ: Thời gian thực hiện từ tháng 01-03/2022

2. Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ; Xử lý báo cáo thống kê, trích xuất dữ liệu xây dựng các biểu mẫu báo cáo thống kê:

- Chính lý số liệu các báo cáo thống kê
- Xây dựng các biểu mẫu báo cáo thống kê tổng hợp về:
 - + Số tổ chức khoa học và công nghệ (Biểu 01/KHCN-TC)
 - + Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ (Biểu 02/KHCN-NL)
 - + Chi cho khoa học và công nghệ (Biểu 03/KHCN-CP)
 - + Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu 04/KHCN-NV)
 - + Hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ (Biểu 05/KHCN-HTQT)
 - + Chuyên giao công nghệ (Biểu 06/KHCN-CG)

+ Doanh nghiệp và thị trường khoa học và công nghệ (Biểu 07/KHCN-DN)

+ Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Biểu 09/KHCN-TĐC)

Các biểu mẫu báo cáo được thực hiện trên bản in.

3. Đơn đốc, hướng dẫn các phòng ban, đơn vị liên quan của Sở KH&CN thực hiện các biểu mẫu báo cáo:

Đơn đốc, hướng dẫn các phòng ban, đơn vị có liên quan của Sở Khoa học và Công nghệ điền các biểu mẫu báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ, cụ thể:

Văn phòng Sở: Chi cho khoa học và công nghệ (Biểu 03/KHCN-CP); Hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ (Biểu 05/KHCN-HTQT)

Phòng Quản lý Khoa học: Số tổ chức khoa học và công nghệ (Biểu 01/KHCN-TC); Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ (Biểu 02/KHCN-NL); Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu 04/KHCN-NV)

Phòng Phát triển công nghệ và Đổi mới sáng tạo: Chuyển giao công nghệ (Biểu 06/KHCN-CG), Doanh nghiệp và thị trường khoa học và công nghệ (Biểu 07/KHCN-DN)

Phòng Sở hữu trí tuệ, An toàn bức xạ và hạt nhân: Sở hữu trí tuệ, An toàn bức xạ và hạt nhân (Biểu 10/KHCN-NLAT)

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Biểu 09/KHCN-TĐC)

4. Hiệu chỉnh số liệu, xây dựng báo cáo gửi Cục Thông tin KH&CN Quốc gia.

- Tiến hành hiệu chỉnh số liệu từ dữ liệu thu thập được
- Hoàn thiện biểu mẫu thống kê ngành khoa học và công nghệ gửi Cục thông tin KH&CN Quốc gia theo đúng quy định.

IV. KẾT QUẢ THỐNG KÊ NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2022 TẠI HẢI PHÒNG

1. Về số tổ chức hoạt động KH&CN:

Tính đến 31/12/2022, có 58 tổ chức KH&CN thuộc quản lý của thành phố Hải Phòng đang hoạt động. Trong số này, có 8 tổ chức mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN trong năm 2022.

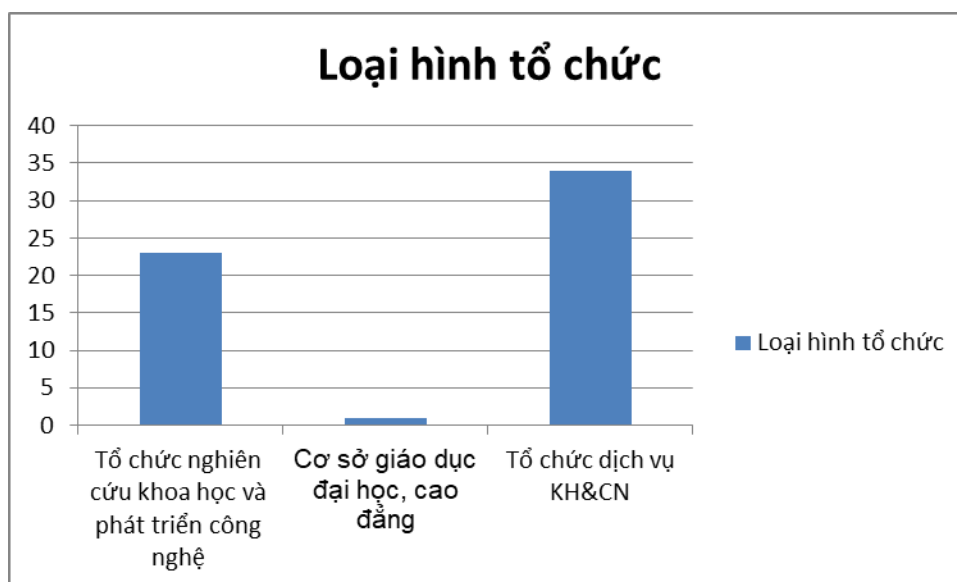
Theo loại hình kinh tế, chiếm tỷ lệ trên 50% là các tổ chức KH&CN ngoài nhà nước (60%), tổ chức KH&CN của nhà nước chiếm 40%.

- Chia theo thẩm quyền thành lập:

+ Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

+ Chính phủ:

- + Tòa án nhân dân tối cao
- + Viện kiểm sát nhân dân tối cao
- + Thủ tướng Chính phủ: 2
- + Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: 5 đơn vị
- + Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 15 đơn vị
- + Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp: 24 đơn vị
- + Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân: 12
- *Chia theo loại hình tổ chức*
- + Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: 23 đơn vị
- + Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng: 1 đơn vị
- + Tổ chức dịch vụ KH&CN: 34 đơn vị



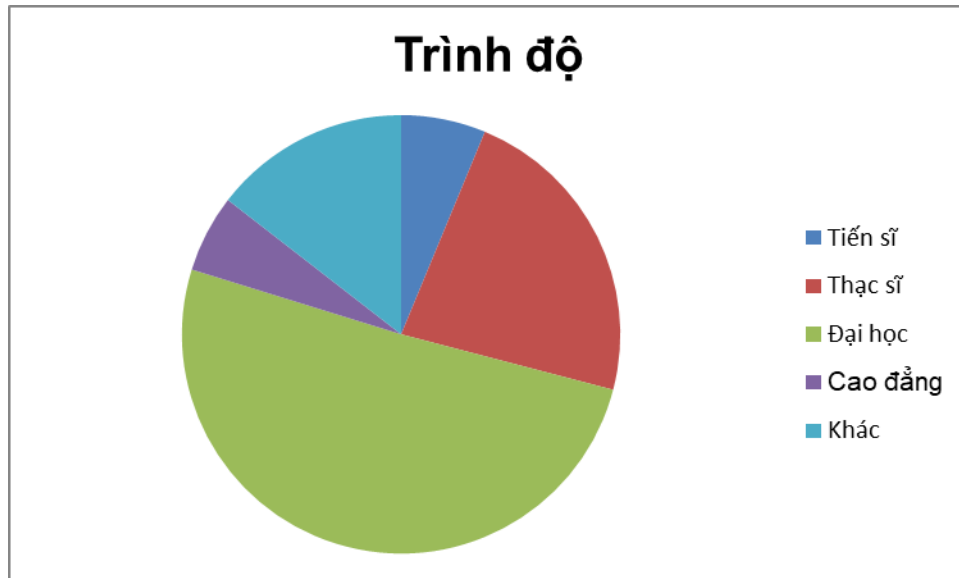
Biểu đồ số tổ chức hoạt động KH&CN theo loại hình tổ chức

2. Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ (Có đến ngày 31/12/2022):

- Tổng số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ của 58 đơn vị thực hiện chế độ báo cáo thống kê: 1345 người; trong đó: 633 Nữ: người

- Trong đó:

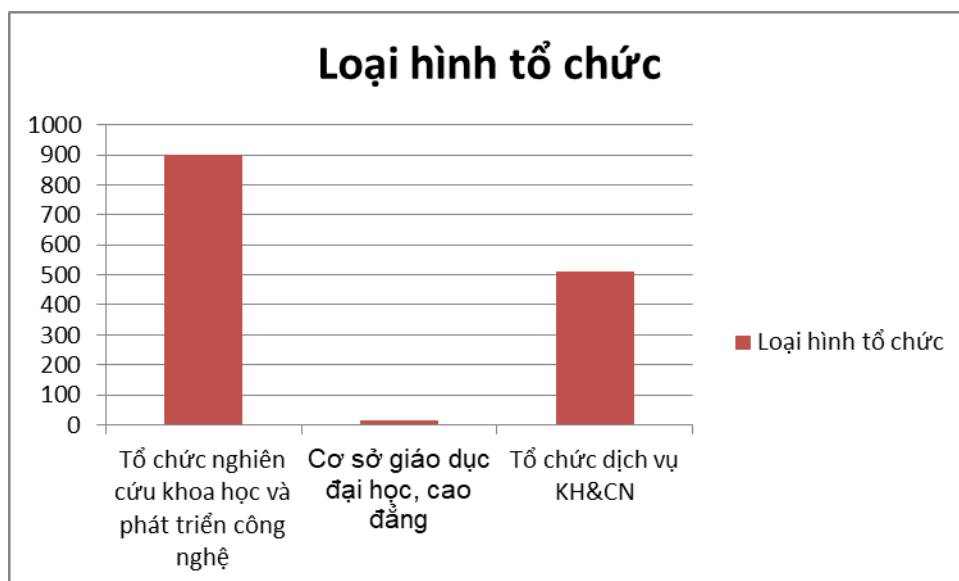
- + Tiến sĩ: 84 người (GS: 5 người, PGS: 13)
- + Thạc sĩ: 307 người
- + Đại học: 682 người
- + Cao đẳng: 77 người
- + Khác: 195 người



Biểu đồ số người trong tổ chức KH&CN theo trình độ

- *Chia theo loại hình tổ chức:*

- + Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: 901 người
- + Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng: 13 người
- + Tổ chức dịch vụ KH&CN: 513 người



Biểu đồ số người trong tổ chức KH&CN, chia theo loại hình tổ chức

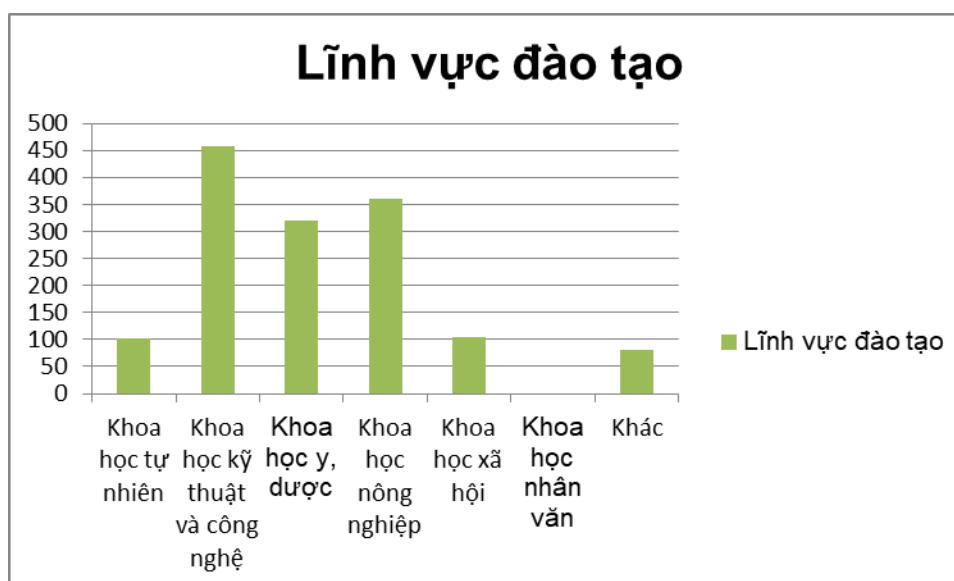
- *Chia theo quốc tịch:*

- + Người Việt Nam: 1427 (*Dân tộc kinh: 1424, dân tộc thiểu số: 3*)
- + Người nước ngoài:

- *Chia theo lĩnh vực đào tạo:*

- + Khoa học tự nhiên: 103 người
- + Khoa học kỹ thuật và công nghệ: 458 người
- + Khoa học y, dược: 320 người

- + Khoa học nông nghiệp: 361 người
- + Khoa học xã hội: 104 người
- + Khoa học nhân văn: 0 người
- + Khác: 81 người



Biểu đồ số người trong tổ chức KH&CN, chia theo lĩnh vực đào tạo

3. Chi cho hoạt động KH&CN (Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12/2022):

Tổng chi ngân sách Thành phố cho hoạt động KH&CN năm 2022 là 120.935.000.000 đồng. 100% là chi sự nghiệp Khoa học và Công nghệ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng chi, chia theo:	120.935
1. Chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ	
2. Chi sự nghiệp Khoa học và Công nghệ, chia theo:	120.935
2.1. Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN, trong đó:	29. 891
- Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia	
- Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ	
- Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	29.000
- Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở	891
- Nhiệm vụ KH&CN khác	

2.3. Chi sự nghiệp KH&CN khác	91.044
3. Chi khác cho Khoa học và Công nghệ	

- Trong đó:

- + Ngân sách trung ương: **0** triệu đồng
- + Ngân sách địa phương: **120.935** triệu đồng
- + Nguồn trong nước ngoài NSNN: **0** triệu đồng
- + Nguồn nước ngoài: **0** triệu đồng

4. Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ (Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2022)

Trong năm 2022, có 7 nhiệm vụ KH&CN cấp Thành phố đang được triển khai thực hiện. Số nhiệm vụ được nghiệm thu là: 23, số nhiệm vụ đưa vào ứng dụng là: 22.

5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động Khoa học và Công nghệ (Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2022)

Trong năm 2022 không có nhiệm vụ KH&CN hợp tác quốc tế

- Số nhiệm vụ hợp tác quốc tế: 0 nhiệm vụ
- Số điều ước, thỏa thuận quốc tế về KH&CN được ký kết: 0 điều ước/thỏa thuận
- Số đoàn ra về KH&CN: 0 đoàn
- Số đoàn vào về KH&CN: 0 đoàn

6. Chuyển giao công nghệ (Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2022)

- Số hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký: 7 hợp đồng
- Số hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp phép: 7 hợp đồng
- Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện: 7 hợp đồng
- Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ: 0 triệu đồng
- Số dự án đầu tư được thẩm định công nghệ: 0 dự án

7. Doanh nghiệp và thị trường KH&CN (Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm 2022)

Tổng số doanh nghiệp KH&CN: 38 doanh nghiệp. Trong đó số doanh nghiệp KH&CN được thành lập mới trong năm 2022 là 15 doanh nghiệp

- Số doanh nghiệp KH&CN đang hoạt động: 38 doanh nghiệp
- Chia theo ngành kinh tế: 38 doanh nghiệp
- + Công nghiệp chế biến, chế tạo: 18 doanh nghiệp
- + Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội: 1 doanh nghiệp

- + Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 6 doanh nghiệp
- + Buôn bán và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác: 2 doanh nghiệp
- + Thông tin và truyền thông: 7 doanh nghiệp
- + Xây dựng: 3 doanh nghiệp
- + Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác: 1 doanh nghiệp
- *Số doanh nghiệp KH&CN giải thể/ngừng hoạt:* 0 doanh nghiệp
- *Chia theo hình thức thành lập:*
- + Thành lập mới: 38 doanh nghiệp
- + Chuyển đổi từ các tổ chức KH&CN: 0 doanh nghiệp
- + Chuyển đổi từ doanh nghiệp: 0 doanh nghiệp

8. Tiêu chuẩn đo lường và chất lượng (Có đến ngày 31/12/2022)

Theo số liệu thống kê từ Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, tính đến 31/12/2022, Hải Phòng có 8 tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; 162.370 phương tiện đo, chuẩn đo lường được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

- Số tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) được công bố: **0** tiêu chuẩn
 - Số quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) được ban hành: 0 quy chuẩn
 - Số quy chuẩn kỹ thuật địa phương: **0** quy chuẩn
 - Số doanh nghiệp, tổ chức đạt giải thưởng chất lượng quốc gia: 0 doanh nghiệp/tổ chức
 - Số mẫu phương tiện đo được phê duyệt: 0 phương tiện
 - Số tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường: **8** tổ chức
 - Số phương tiện đo, chuẩn đo lường được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm: **162.370** phương tiện
 - Số giấy chứng nhận về hệ thống quản lý cấp cho tổ chức, doanh nghiệp: **0** giấy chứng nhận
 - Số doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng mã vạch: **0** doanh nghiệp
 - Số phòng thử nghiệm, hiệu chuẩn được công nhận: 39 phòng
 - Số tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký lĩnh vực hoạt động: **0** tổ chức
- ## **9. Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân**
- Số người hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử: **0** người
 - + Nhà nước: **0** người

- + Ngoài nhà nước: **0** người
- + Có vốn đầu tư nước ngoài: **0** người
- Số tổ chức tiến hành công việc bức xạ: **96** tổ chức
 - + Nhà nước: **31** tổ chức
 - + Ngoài nhà nước: **65** tổ chức
 - + Có vốn đầu tư nước ngoài: **0** tổ chức
- Số cá nhân tiến hành công việc bức xạ: **0** người
- Số nhân viên bức xạ: **420** người
 - + Nhà nước: **296** người
 - + Ngoài nhà nước: **124** người
 - + Có vốn đầu tư nước ngoài: **0** người
- Số thiết bị bức xạ: **146** thiết bị
 - + Nhà nước: **146** thiết bị
 - + Ngoài nhà nước: **0** thiết bị
 - + Có vốn đầu tư nước ngoài: **0** thiết bị
- Số nguồn phóng xạ: **89** nguồn
 - + Nhà nước: **16** nguồn
 - + Ngoài nhà nước: **73** nguồn
 - + Có vốn đầu tư nước ngoài: **0** nguồn
- Số giấy phép tiến hành công việc bức xạ được cấp: **209** giấy phép

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

- Đã triển khai việc thống kê ngành KH&CN tại Hải Phòng theo đúng quy định của Thông tư 15/2018/TT-BKHCN: đã tham mưu cho lãnh đạo Sở, xây dựng kế hoạch và gửi các Phòng của Sở để cung cấp số liệu cho 09 biểu thuộc phạm vi quản lý.

- Tích cực hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các phòng trong Sở để đưa ra số liệu thống kê chính thức của năm 2022, gửi Cục Thông tin KH&CN Quốc gia.

- Đã bước đầu tạo lập được bộ máy tổ chức và cán bộ làm công tác thống kê KH&CN (kiêm nhiệm), quy định trách nhiệm thực hiện công tác thống kê KH&CN tại Sở KH&CN.

- Tuy nhiên:

+ Tiến độ nộp báo cáo thống kê của các phòng còn chậm, phải đôn đốc nhắc nhở nhiều lần.

- Nguyên nhân là do:

+ Theo Thông tư 15/2018/TT-BKHCN, không có căn cứ pháp lý để yêu cầu các đơn vị cơ sở (các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước,...) cung cấp số liệu thống kê sơ cấp làm số liệu thống kê tổng hợp.

+ Các quy định hiện hành về thống kê KH&CN còn nhiều hạn chế, thiếu các văn bản quy phạm pháp luật quy định thống nhất và hướng dẫn cụ thể về công tác thống kê KH&CN (bao gồm quy định về tổ chức, nhân lực, nhiệm vụ thường xuyên, kinh phí hoạt động, quan hệ về nghiệp vụ và quản lý nhà nước), nhất là hướng dẫn, định mức kinh phí hoạt động.

+ Nhận thức của một bộ phận không nhỏ các ngành, các cấp và các cơ sở về thống kê KH&CN còn rất hạn chế, chưa nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật.

+ Chưa hình thành được đội ngũ cán bộ thống kê KH&CN chuyên trách, các cán bộ làm công tác thống kê KH&CN tại các ngành, các cấp và tại cơ sở không được giao nhiệm vụ một cách chính thức và ổn định, chưa có nghiệp vụ thống kê, chủ yếu làm kiêm nhiệm. Trung tâm Thông tin, Thống kê KH&CN chưa được bổ sung biên chế cho công tác thống kê KH&CN.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác thống kê KH&CN chưa được đảm bảo.

2. Kiến nghị:

*** Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ:**

- Có chế tài yêu cầu các đơn vị cơ sở phải cung cấp số liệu thống kê theo các nội dung của Thông tư 15/2018/TT-BKHCN cho Sở KH&CN các tỉnh, thành phố, để tổng hợp gửi Cục Thông tin KH&CN Quốc gia.

*** Đối với Cục Thông tin KH&CN Quốc gia:**

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác thống kê ngành KH&CN.

- Tăng cường cán bộ, cơ sở vật chất phục vụ công tác thống kê KH&CN.

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH PHÒNG/ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO
THỐNG KÊ NGÀNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TẠI HẢI PHÒNG NĂM
2022

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị báo cáo	Ghi chú
1	01/KHCN-TC	Số tổ chức khoa học và công nghệ	Quản lý Khoa học và Công nghệ cơ sở	
2	02/KHCN-NL	Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ	Quản lý Khoa học và Công nghệ cơ sở	
3	03/KHCN-CP	Chi cho khoa học và công nghệ	Kế hoạch Tài chính	
4	04/KHCN-NV	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Quản lý khoa học	
5	05/KHCN-HTQT	Hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ	Kế hoạch Tài chính	
6	06/KHCN-CG	Chuyển giao công nghệ	Quản lý Công nghệ	
7	07/KHCN-DN	Doanh nghiệp và thị trường khoa học và công nghệ	Quản lý KH&CN cơ sở và Quản lý Công nghệ	
8	09/KHCN-TĐC	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	
9	10/KHCN-NLAT	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	Quản lý Chuyên ngành	

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2022

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Ghi chú
1	Viện nghiên cứu Hải sản	Số 224 Lê Lai, p Máy Chai, q Ngô Quyền	
2	Viện Y học Biển	Đường Võ Nguyên Giáp, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng	
3	Viện Tài nguyên và Môi trường biển	Số 246 Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	
4	Viện nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng hải	Số 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng	
5	Trung tâm đào tạo và tư vấn KH&CN bảo vệ môi trường thủy	Số 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng	
6	Trung tâm tư vấn và phát triển công nghệ xây dựng hàng hải	Số 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng	
7	Trung tâm đào tạo logistics tiểu vùng MeKong-Nhật Bản tại VN	Số 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng	
8	Trung tâm ứng dụng và phát triển CNTT	P201 nhà B3, giảng đường B DHHH, số 383 Lạch tray	
9	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng điện, điện tử và tự động hóa	Số 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng	
10	Trung tâm đào tạo và tư vấn luật hàng hải	Số 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng	
11	Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng I	Số 51 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng	
12	Trung tâm Thông tin, Thống kê KH&CN	Số 01 Phạm Ngũ Lão – Cầu Đất – Ngô Quyền – Hải Phòng	
13	TT Phát triển KHCN và Đổi mới sáng tạo	Số 276B nhà A10 - Đồng Tâm - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng	
14	Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL	240 Văn Cao Ngô Quyền Hải Phòng	
15	TT Thông tin và Truyền thông	số 62 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng	
16	TT Giống và Phát triển nông nghiệp CNC	Xã Mỹ Đức, An Lão, Hải Phòng	
17	Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hải Phòng	Số 21 Lê Đại Hành, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng	
18	TT Khuyến nông	Số 6 Chiêu Hoa, Kiến An, Hải Phòng	
19	Vườn Quốc gia Cát Bà	Xã Trân Châu, Cát Hải, Hải Phòng	
20	TT Kỹ thuật-Dữ liệu, Thông tin tài nguyên môi trường	Số 30 Lý Tự Trọng, Hồng Bàng, Hải Phòng	

21	TT Quan trắc môi trường	Số 275 lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng	
22	TT Khuyến công và Tư vấn PT công nghiệp	Số 9 lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng	
23	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Số 18/383 lán bè, Lê Chân, Hải Phòng	
24	Trung tâm Tư vấn thiết kế xây dựng và Kiểm định chất lượng xây dựng công trình	Số 34 lý Tự trọng, Hồng Bàng, Hải Phòng	
25	Viện Quy hoạch	Số 34 lý Tự trọng, Hồng Bàng, Hải Phòng	
26	Trung tâm chuyển giao công nghệ khoa học	Số 300 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng	
27	Trung tâm dịch vụ khoa học công nghệ STC	Số 175 Nguyễn Văn Linh, Kênh Dương, Lê Chân Hải Phòng	
28	Trung tâm giáo dục sớm An	Số 68 Nguyễn Công Trứ- Dư Hàng- Lê Chân Hải Phòng	
29	Trung tâm tư vấn thiết kế và môi trường	Số 36 Lý tự trọng- Hồng Bàng- Hải Phòng	
30	Trung tâm tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật về môi trường	Số 275 lạch Tray, Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng	
31	Trung tâm khoa học kỹ thuật tài nguyên môi trường	Số 2B Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	
32	Trung tâm nghiên cứu truyền thông tư vấn sức khỏe và phát triển bác sỹ gia đình	Số 35 Lê Đại Hành, Hồng Bàng, Hải Phòng	
33	Viện giáo dục sớm Việt Nam	Số 39 Lương Khánh Thiện, Ngô quyền, Hải Phòng	
34	Trung tâm nghiên cứu giáo dục và đào tạo Hải Phòng	Số 1/170 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng	
35	Trung tâm tư vấn và giáo dục can thiệp sớm Minh Lâm	Thôn 4 My Sơn, Ngũ Lão, Thủy Nguyên	
36	trung tâm tư vấn và ứng dụng giáo dục hiện đại	Số 27 lô 4 khu PG, xã An Đồng, An Dương, Hải Phòng	
37	Trung Tâm tư vấn và phát triển khoa học tâm lý- giáo dục học	Số 566 Lô 22 Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng	
38	Trung tâm tư vấn và dịch vụ Khoa học công nghệ thủy sản Hải Phòng	Số 17 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng	
39	Chi nhánh Trung tâm Công nghệ chống hàng giả Hải Phòng	Số 28 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng	
40	VPĐ D TT chứng nhận phù hợp tại Hải Phòng	Số 48 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng	
41	TT NC ứng dụng và chuyển giao công nghệ giáo dục	Số 194B, Vũ Chí Thắng, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng	
42	TT NC và ứng dụng y học	Số 289 Hai Bà Trưng, Cát Dài, Lê Chân, Hải Phòng	
43	TT NC ứng dụng tinh hoa võ thuật	Số 456 Phạm Văn Đồng, Dương	

		Kinh, Hải Phòng	
44	TT NC Khoa học và công nghệ	Số 17 Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, Hải Phòng	
45	TT NC, ứng dụng và chuyển giao công nghệ môi trường	Số 36 đường Dân lập, Dư Hàng Kênh, Hải Phòng	
46	Trung tâm Nghiên cứu văn hóa Minh triết Phật Cẩm Hoàn	Thôn Cẩm Hoàn, xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng	
47	Chi nhánh miền Bắc Viện Khoa học phát triển tài sản trí tuệ	Số 47/384 đường Lạch Tray, Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng	
48	Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn phát triển đô thị Hải Phòng	Số 32F Điện Biên Phủ, Ngô Quyền, Hải Phòng	
49	Chi nhánh Trung tâm nghiên cứu và Phát triển chữ viết tại Hải Phòng	Số 34/37 đường An Đà, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền	
50	Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng giáo dục đặc biệt can thiệp sớm Kitty	Số 123 Mạc Thiên Phúc, Lãm Hà, Kiến An, Hải Phòng	
51	Trung tâm tư vấn giáo dục chuyên biệt Ánh Sao		
52	Trung tâm thực nghiệm và ứng dụng phương pháp học tích cực Hoàng Hà	Số 2B/10/275 Đông Khê, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	
53	Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật lâm nghiệp	Tổ dân phố Bình Kiều 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An	
54	VPĐD Viện nghiên cứu ứng dụng mỹ thuật sản phẩm làng nghề VN tại tp Hải Phòng	Thôn Kê Sơn, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo	
55	Chi nhánh Viện nghiên cứu tâm lý giáo dục đặc biệt tại thành phố Hải Phòng	5A/32 đường Lưu Úc, phường Phù Liễn, quận Kiến An	
56	Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng tâm lý học Tâm Phúc	Số 41A, Vĩnh Tiến 2, Vĩnh Niệm, Lê Chân	
57	Trung tâm tư vấn và ứng dụng tâm lý học- giáo dục đặc biệt Bình An	Số 57 Chợ Lũng, Đằng Hải, Hải An, HP	
58	Viện nghiên cứu môi trường Biển Xanh		